LÀNG CỔ ĐÔNG SƠN VÀ NHỮNG VĂN BIA MA NHAI CÒN LẠI

LÊ THỊ THẢO*

Làng cổ Đông Sơn không chỉ nổi tiếng ở xứ Thanh của Việt Nam mà còn được nhiều nhà khoa học, sử học trên thế giới biết đến. Cái tên Đông Sơn gắn liền với nền văn minh Việt cổ, được dùng để định danh cho một nền văn hóa nổi tiếng ở Việt Nam cũng như trong khu vực - "văn hoá Đông Sơn"[1]. Có thể nói, mạch chảy của văn hóa Đông Sơn ở nước ta kế cận thời kỳ đồ đá, đạt đến đỉnh cao ở thời kỳ đồ đồng, suy tàn ở thời kỳ đồ sắt, có không gian trải rộng ở lưu vực các con sông lớn (sông Mã và sông Hồng). Trước khi có tên gọi Đông Sơn, vùng đất này vốn thuộc hai trang Đông Cương Thượng và Đông Cương Hạ[2]. Vào thế kỷ thứ XVII, quan Thám hoa Thị vệ Trịnh Thế Lợi về định cư tại đây, đã sáp nhập hai trang Đông Cương Thượng và Đông Cương Hạ thành làng Đông Sơn[3]. Đầu thế kỷ XIX, làng Đông Sơn thuộc xã Đông Sơn, tổng Thọ Hạc, huyện Đông Sơn, nay thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hoá.

Thế đất làng Đông Sơn dựa lưng vào núi (núi sau làng). Phía Bắc khống chế bởi núi Voi, núi Tràng Tiền, đồng Ngược, giáp với làng Giàng, xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hoá. Phía Nam giáp với núi Mã Yên (núi Yên Ngựa), núi Vàng, núi Cuộc, núi Cánh Tiên thuộc phường Hàm Rồng. Phía Tây giáp làng Hạc Oa, thuộc xã Đông Cương. Phía Đông tựa lưng vào núi Rồng.

* TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT THANH HOÁ

Người xưa đã khéo chọn một vùng đất lý tưởng để thành lập nên làng, với địa hình có nhiều núi (không cao lắm) nối liền nhau, tạo nên hình thù độc đáo và đa dạng như: núi Long Hạm (núi Rồng) ngọn Hoả Châu (núi Con Nít)... tạo nên bức tranh thiên nhiên thể hiện "rồng vờn ngọc", đã đi vào tâm thức của bao thế hệ người dân, thu hút các bậc tao nhân mặc khách đến thưởng ngoạn, du lãm, xướng hoạ, đề thơ trên các vách núi, từ các danh nhân như: Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, Nguyễn Trãi đến các bậc đế vương như: Lê Thánh Tông, Lê Hiến Tông... Những tác phẩm ấy cũng chính là những kiệt tác văn học, điêu khắc, thư pháp... điểm xuyết và tô đậm cho bức tranh thiên nhiên vốn kỳ thú càng thêm kỳ thú tại vùng đất này.

Tiếc thay, trải qua những biến động của thời gian và lịch sử, một số di văn của Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, Nguyễn Trãi đã bị mai một, chúng ta chỉ còn biết nội dung của chúng qua tư liệu lịch sử, số văn bia ma nhai còn lại khá mờ, có những văn bia đã bị rêu phong phủ kín, chữ rất khó đọc. Trong bài viết này, chúng tôi xin được giới thiệu về nội dung những văn bia ma nhai sau:

1- Bia núi Tượng Sơn

Bia thuộc loại ma nhai, được khắc trên vách đá bên ruộng lúa núi Tượng Sơn (núi Con Voi), cạnh đường ra vào động Tiên Sơn, thuộc khu du lịch hồ Kim Quy, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hoá. Kích thước cao 0,70m, rộng

0,50m, không chạm khắc hoa văn, chỉ kẻ hai đường vạch tạo thành khung có hình cánh cung như những kiểu bia truyền thống. Bia khắc năm Thiệu Phong thứ 13 (1353) đời vua Trần Dụ Tông. Toàn văn khắc kiểu chữ Khải, có sử dụng chữ Nôm mượn nguyên âm chữ Hán nhưng đọc chệch, khoảng 8 dòng, mỗi dòng từ 4 đến 20 chữ. Do bia thuộc loại ma nhai khắc trên vách đá nên mặt bia không được mài phẳng, chữ khắc dựa trên các vết lồi lõm tự nhiên của đá nên nhiều chữ rất khó đọc.

Nội dung văn bia ghi: "Vào ngày 13 tháng 9 năm Quí Tỵ[4], niên hiệu Thiệu Phong thứ 13 (1353), đời vua Trần Dụ Tông, ông quan Đại Toát[5] người xã Hoạch Đương[6] tuân theo chế lệnh của trên vỗ yên thấu ngộ các cư sĩ[7] giác tỉnh đạo mê, đón nhận sự giúp đỡ của cải của ông Đỗ Nữu làm một con đường bằng phẳng. Nay ở trên có chùa Mịch Cần[8] được đông đảo các cư sĩ tạo lập một đường đi ở bên, nhờ vào sự giúp đỡ của các đại bác sĩ (bậc học rộng tài cao), các vị sư người xã An Hoạch[9]. Việc phá đá giao phó cho dân làng đảm nhiệm. Việc mở đường theo con đường cũ từ trước đây nhân đó mà sửa sang cho mới để lưu thông với nơi thờ Tam bảo Phật[10], đời đời kiếp kiếp về sau thường gặp ở núi tiên này".

2- Bài thơ của Thiên Nam Động chủ

Thiên Nam Động chủ tức vua Lê Thánh Tông. Ngày 22 tháng 2 năm Hồng Đức thứ 9 (1478)[11], vua bái yết Sơn Lăng xong, trên đường về qua động Long Quang, nhân lúc nắng chiếu cảnh núi ấm áp, hoa cỏ xuân tươi, đường hành trình xa xôi bèn dời thuyền lên bờ, vịn đá lên cao, gió sương ướt áo, chim hót bên tai khiến ý thơ lai láng dạt dào như suối tuôn nước chảy, cảm hứng dâng trào, làm thành bốn vần để khắc vào đá lưu truyền mãi mãi. Bia khắc phía trong vách động, kích thước cao 0,78m, rộng 1,30m. Xung quanh tạo đường viền hoa dây rộng 0,06m, phía trong các đường hoa dây chạm cách điệu lá hình đao lửa xoắn. Bia 1 mặt, toàn văn chữ Hán khắc kiểu chữ Khải, gồm 15 dòng, mỗi dòng từ 3 đến 12 chữ:

Thuý vi hữu địa khả bồi hồi,
Vọng viễn đăng cao vũ trụ khôi.
Khước nhạ Cáo thành phong Ngọc Kiểm,
Thù phi thất lộ nhập Thiên Thai.
Nhàn vân mãn địa vô nhân tảo,
Hư thất lăng tiêu trấn nhật khai.
Yểu điệu giản cùng lâm tận ngoại
Thời yêu hoàng ốc thuý hoa lai.

Dịch nghĩa:

Giữa sườn non xanh có nơi cảnh đẹp đáng dừng chân ngắm,

Trèo lên cao buông tầm mắt nhìn vũ trụ bao la.

Cứ ngỡ là cảnh Cáo thành, lên làm lễ phong thiện ở núi Ngọc Kiểm[12],

Phải chăng như cảnh lạc đường vào cõi Thiên Thai[13].

Mây nhàn tản vương đầy mặt đất không ai quét dọn,

Động rỗng vượt tầng không chắn lấy mặt trời.

Cảnh đẹp kéo suốt tận ngoài bìa rừng, chân suối,

Thỉnh thoảng lại có xe lọng vàng, kiệu thuý hoa lui tới viếng thăm[14].

Dịch thơ:

Sườn núi xanh xanh đẹp quá chừng!
Lên cao vũ trụ rộng khôn cùng.
Cáo thành cứ ngỡ lên non Kiểm,
Lạc lối dường như tới chốn Bồng.
Không quét mây vương đầy mặt đất,
Vút trời động chắn giữa tầng không.
Phong quang suốt tận ven rừng suối
Thỉnh thoảng mời vua tới ngắm trông[15].

3- Hai bài thơ của Thượng Dương Động chủ

Thượng Dương Động chủ tức vua Lê Hiến Tông. Năm Cảnh Thống thứ 4 (1501), trên đường đi bái yết Sơn Lăng ở Lam Kinh, vua ghé thăm động Long Quang. Trước cảnh đẹp của thiên nhiên, vua đã cảm hứng đề hai bài thơ, thợ đá khắc lên vách động, Trung Thư giám Ngô Thẩm viết chữ. Ma nhai có kích thước 90cm x 120cm, viền chạm hoa dây cúc leo, toàn văn chữ Hán khắc chân phương, gồm 15 dòng, 150 chữ:

Bài 1:

Lăng không thạch thất trạm hư minh,
Thâm trữ hùng phong vạn hộc thanh.
Dã thụ phùng xuân đa tác thái,
Sơn hoa mãn kính bất tri danh.
Hà lưu liễm bái triều ti hải,
Địa trấn bàn căn tráng thượng kinh.

Thừa đắc động thiên nhàn nhật nguyệt,
Lai khan ngọc cục thuyết trường sinh.

Dịch nghĩa:

Nắng lên, động như nhà đá sâu thẳm mà sáng sủa,

Trong động có những cơn gió mạnh đem lại sự mát mẻ.

Cỏ cây dưới thôn làng gặp mưa xuân xanh tươi mơn mởn,

Những bông hoa trên đồi núi trải khắp lối đi không kể hết tên.

Sông bãi nhấp nhô, nước thuỷ triều tràn về rồi chảy ra biển,

Đường sá vững chãi, tráng lệ tới tận Kinh Đô.

Quả được hang động trời cho, ngày tháng thanh nhã vui thú,

Nhìn xem hang ngọc sống mãi cùng thời gian.

Tạm dịch thơ:

Nắng trong nhà đá sáng lung linh,
Gió mát hang sâu cảnh hữu tình.
Tiết xuân cây lá nhiều sắc thái,
Non cao hoa cỏ bạt ngàn xanh.
Sông bãi nhấp nhô xuôi về biển,
Đường sá cây xanh trải trấn thành.
Động biếc trời cho ngày nhàn rỗi,
Nhìn xem động ngọc mãi trường sinh.

Bài 2:

Lục âm thâm xứ điểu thanh kiều,
Thi khách trùng lai lạc cách nhiêu.
Vạn cổ quan hà tồn Vũ tích,
Nhất thiên hoa mộc nhiễm xuân điều.
Kim tiêu cung khuyết vô trần đáo,
Thuỷ quốc càn khôn nhập vọng diêu.
Vận thuộc sơ nguyên thân chính nhật,
Sơn xuyên cải quán chúc quang điều.

Dịch nghĩa:

Non xanh trong hang sâu tiếng chim hót véo von,

Khách thơ đến luôn càng thêm vui vẻ.

Muôn thuở non sông còn in dấu vua Vũ,

Một trời hoa cỏ mặc để mùa xuân tô vẽ.

Cung tiên nơi nhà vàng không bén bụi trần,

Trời đất, nước non nhìn thu vào tầm mắt.

Vận hội vốn từ xưa đúng ngày chấp chính,

Non sông nay đổi mới, ánh sáng soi rọi khắp muôn nơi.

Tạm dịch thơ:

Hang sâu lắng động chim véo von,
Muốn gọi khách thơ lui tới luôn.
Muôn thuở nước non in dấu Vũ,
Một trời hoa cỏ cảnh tươi xuân.
Cung tiên ánh rực không vương bụi,
Trời đất bao la mắt tận nhìn.
Vận hội xuân tươi ngày chấp chính,
Nước non đổi mới ánh vàng son.

4- Bia Thành sự bi ký

Bia thuộc nhóm ma nhai, được khắc trên vách đá chân núi Yên Ngựa, làng Đông Sơn gần đền thờ Chàng Ất Đại vương, dựng vào thời Cảnh Thịnh (Tây Sơn), kích thước 80cm x 75cm, viền không khắc hoa văn tạo gờ nổi. Nội dung văn bia như sau: "Các bậc quan viên, hương lão, quí viên, tổng trưởng, xã trưởng, thôn trưởng cùng nhân dân toàn thôn, trên dưới các hạng thuộc thôn Đông Sơn, xã Đông Sơn, huyện Đông Sơn, phủ Thiệu Thiên kính nghe:

Việc muốn biểu dương sự việc là ghi khắc vào bia đá để lưu truyền mãi mãi. Ấp ta có núi Mã Yên (núi Yên Ngựa), đền thờ tối linh ở đấy. Mạch từ hướng Càn Hợi (Tây Bắc) trông lại gần mà chuyển ra hướng Tốn nhập vào Mão (Đông Nam vào Đông). Núi Voi án ngữ từ Bắc, rùa nước chầu về phía Tây, thật là một nơi danh thắng đẹp nhất của đất Đông Sơn vậy.

Ôi chỉ một điều là đường đi bị cắt đoạn phía sau, đầu Huyền vũ người đi dẫm lên dấu tích, trâu dẫm trên đá, đường mòn đã thành khe suối. Việc xưa không bị mai một nhưng có thể mất đi tất cả.

Nay trong bản thôn có ông Lê Xuân Hải chức Chánh quản Hùng nhuệ cơ hộ quân sứ, tước Hải lĩnh hầu cùng các bậc quan viên là ông Lương Viết Cẩn, các bậc hương lão là Dương Đình Giao, Lương Văn Lan, Dương Đình Toại, Lương Trọng (?), Lương Bá Chu, Lương Bá Viên, Nguyễn Huy Thành, Nguyễn Văn Điểm cùng các quí viên Lương Bá Thuần, Lương Huy Thực, Lương Bá Dương, Dương Đình Xuân, Lương Trọng (?), Lương Văn Nhuệ, Dương Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Lễ, Lương Đình Nhưng. Tổng trưởng Lương Bá Nho, Xã trưởng Lương Huy Tiêu, Thôn trưởng Nguyễn Hữu Thiện, Nguyễn Trọng Điền, Dương Đình Trạc, Lê Bá Tám, Nguyễn Hữu Nghi, Dương

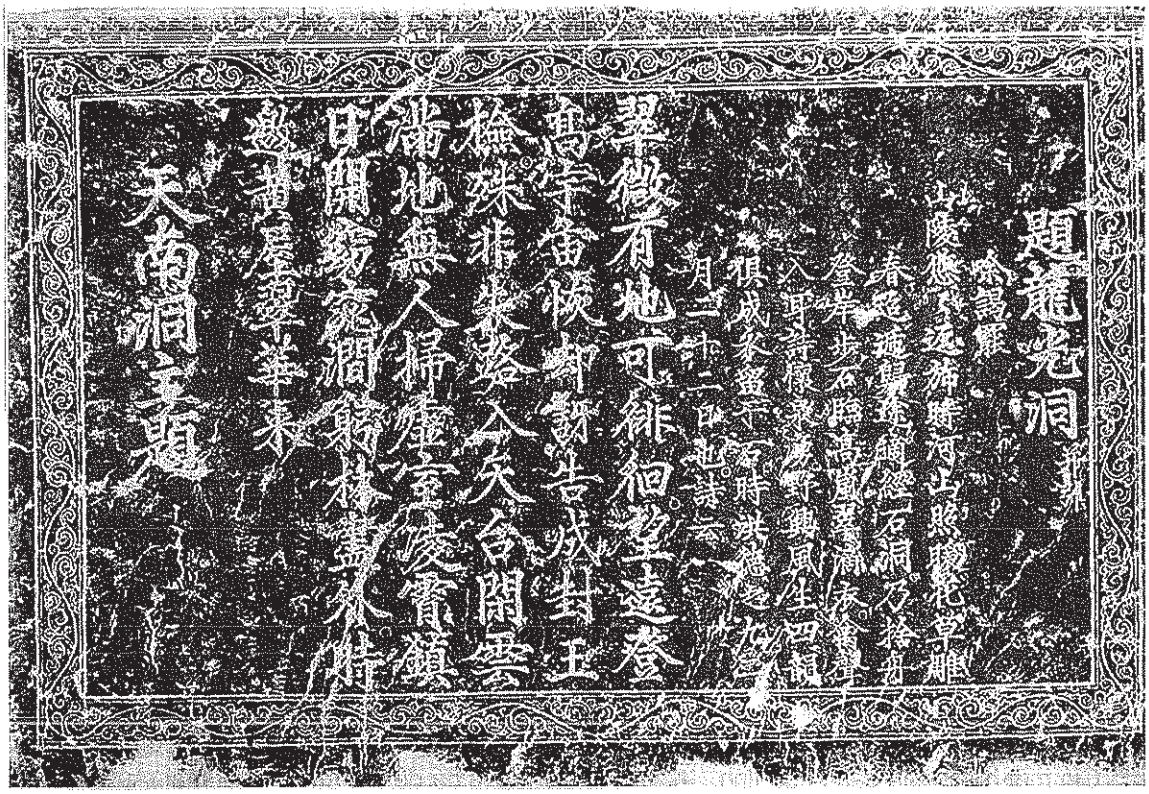

Bia ma nhai (khắc trên vách núi) tại Đông Sơn, Thanh Hóa - Ảnh: Tác giả

Đình Bạc, Dương Viết Tài, Dương Đình Kim, Lương Sưu, Lương Trọng, Lương Hãn, Nguyễn Lãm, Lê Xuân Thành, Dương Trử, Giáp Trưởng Lê Xuân Nghị, toàn thôn trên dưới tham gia bàn bạc thống nhất tìm thầy địa lý để tính toán tìm ra một thế đất tốt, có lợi về phong thủy, tính toán thực cẩn thận, chọn ngày tốt, đắp một con đường lớn, cao, hình vòng cung, ở phía trước, dài 96 trượng (384m), bề mặt phía trên rộng 1 trượng (4m), dốc phía chân đường rộng 5 thước, tức làm theo với đất dưới ruộng vẫn thành đường cũ. Tường phía Đông dựa vào núi, tường phía Nam đắp thêm thành lũy để cho miếu đường được như cũ mà chế độ lại có mới hơn. Theo như vậy từ đấy đến nay ấp ta được bình an vô sự.

Việc mở mang mạch đất này là làm uy nghi, tráng lệ nơi thờ thần, tách rõ phần đất dân ở bên ngoài, cầu thần giám chiếu.

Từ nay trở về sau, muôn thuở phải đi theo con đường mới chỗ đường cũ đắp lên, kẻ nào dám tự ý xâm phạm, quy theo khoản lệ đã định mà phạt. Nhân đó khắc vào bia để lưu truyền mãi mãi.

Theo qui định nếu để cho một con trâu vào phá thì phạt 10 quan tiền cổ.

Ngày tốt năm Cảnh Thịnh thứ 3 (1795)...

Thông qua nội dung của văn bia ma nhai hiện tồn trong địa hạt làng Đông Sơn (nay thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hoá) cùng một số tư liệu Hán Nôm và lịch sử có liên quan, chúng tôi tạm rút ra mấy nhận xét như sau:

- Đông Sơn là một vùng đất có bề dày lịch sử, gắn chặt với từng bước phát triển của lịch sử xứ Thanh cũng như lịch sử dân tộc, những hiện vật khảo cổ thuộc văn hóa Đông Sơn được phát hiện cùng hệ thống ma nhai, bia ký, sắc phong... là những hiện vật lịch sử minh chứng cho điều này.

- Văn bia ma nhai hiện tồn trong khu vực làng Đông Sơn là những trang sử đá chứa đựng nhiều nội dung hàm xúc, phản ánh các mặt giá trị lịch sử - văn hóa, văn học, nghệ thuật điêu khắc, thư pháp... cần sớm được sưu tập, biên dịch, chú giải, xuất bản để phục vụ cho việc tìm

hiểu lịch sử địa phương và lịch sử xứ Thanh.

- Thực trạng về các văn bia ma nhai thuộc khu vực Đông Sơn hiện nay đang đặt ra cho chúng ta nhiều thách thức quanh việc bảo tồn và phát huy giá trị của những tư liệu lịch sử này. Việc nghiên cứu, quy hoạch bảo tồn những di sản văn hóa đó để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, du lịch, văn hóa của địa phương và xứ Thanh là một việc làm cần thiết trong giai đoạn hiện nay./.

L.T.T

Chú thích:

1- Năm 1924, ông Nguyễn Văn Nắm (ông Kiểm Đại) ở xóm Nghĩa, làng Đông Sơn, sau những lần đào giun đi câu dọc sông Mã đã phát hiện một số đồ đồng do đất lở phát lộ. Nhóm hiện vật đầu tiên này đã được viên Tây đoan ham mê cổ vật là L.Pajô gom giữ, bán cho trường Viễn Đông bác cổ. Từ năm 1924 đến năm 1928, L. PaJô đã liên tục tiến hành đào bới, khai quật ở làng Đông Sơn để tìm cổ vật. Năm 1929, kết quả những cuộc đào bới và những cổ vật này được Go-lu-bep tổng kết và công bố lần đầu tiên trong tác phẩm "Thời đại đồ đồng thau ở Bắc kỳ và Bắc Trung kỳ".

Năm 1935 Olov R.Tjansé, nhà khảo cổ người Thuỵ Điển đã tiến hành khai quật và đã định danh nền văn hoá Đông Sơn. Tên làng Đông Sơn từ đây đã trở thành tên của một nền văn hoá rực rỡ của một thời đại kim khí cách ngày nay 2000 - 3000 năm.

2- Trang Đông Cương Hạ nằm về phía Tây Nam làng, trang Đông Cương Thượng nằm ở phía Bắc làng hiện nay. Người làng Đông Sơn cho đến nay vẫn còn truyền rằng, trang Đông Cương Hạ đóng tại khu vực Ba Khe kéo tới Đồng Khang, lưng tựa vào một phần núi Cánh Tiên, giáp làng Thổ Sơn, xã Đông Cương hiện nay... Trang Đông Cương Thượng ở khu vực đồng Ra, lưng tựa vào núi Voi, mặt quay về hướng Đông Bắc. Xét một số chữ ghi địa danh ở mặt sau các sắc phong mang niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 8 (1626), Đức Long thứ 1 (1629) hiện lưu giữ tại địa phương, thời bấy giờ đã ghi ban cho dân hai trang Đông Cương Thượng và Đông Cương Hạ thờ Chàng Ất Đại vương.

3- Trịnh Thế Lợi là một vị quan triều Lê, dân gian truyền tụng ông là vị quan dưới triều vua Lê Hiển Tông, ông đã có công sáp nhập hai trang Đông Cương Thượng và Đông Cương Hạ thành lập nên làng Đông Sơn. Để ghi nhớ công ơn của ông, dân làng Đông Sơn tôn ngài là Thành hoàng và lập miếu thờ ngài tại trung tâm làng, gọi là Miếu Nhị. Miếu làm bằng đá lộ thiên. Nay tại địa phương dân làng còn giữ được 4 đạo sắc phong ban cho dân xã Đông Sơn thờ ông.

4- So sánh với lịch vạn niên, năm Quí Tị - 1353, tức tức niên hiệu Thiệu Phong thứ 13, trùng hợp với niên đại văn bia đã ghi.

5- Đại toát - chức quan triều Trần như chức Tổng trưởng, Xã trưởng, Lý trưởng có thế lực. Trong bia chùa Phúc Hưng (chùa Kênh, xã Quảng Hùng) dựng dưới triều Trần cũng thấy nhắc đến chức quan Đại toát. Ông Đại toát Lê Mạnh người hương Yên Duyên vào khoảng năm Thiệu Bảo (tức đầu năm 1285). Khi tướng giặc Toa Đô từ ngoài biển đi tắt đường Cổ Kê tiến vào Thanh Hoá, ông được tin đã đem người làng phục sẵn ở bến Cổ Bút. Quân Toa Đô tới bị đánh bất ngờ, thua to, tháo chạy.

6- Xã Hoạch Đương - hiện chưa xác định được nay là địa danh nào?

7- Cư sĩ chỉ những người làm quan nhưng chán với thời cuộc bỏ đi ở ẩn.

8- Chùa Mịch Cần - hiện chưa tìm thấy dấu vết ngôi chùa nằm ở vị trí nào nhưng theo như lời văn ghi trong bia thì trong chùa có Tam bảo Phật nằm trên núi Tiên Sơn.

9- An Hoạch, tức là khu vực xã Đông Hưng và Đông Tân ngày nay. Nơi đây năm xưa có ngôi chùa Báo Ân trên núi An Hoạch rất nổi tiếng. Chùa có từ triều Lý, niên hiệu Hội Phong thứ 9 (1100). Ngày nay còn lại tấm bia ghi chép về ngôi chùa này; Văn bia hiện đang được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

10- Tam bảo, ba thứ quý, với nhà Phật là: Phật - người tìm ra được chân lý cứu đời, Pháp - giáo lý của nhà Phật, Tăng - những người truyền bá giáo lý của nhà Phật để cứu độ chúng sinh.

11 - *Thơ văn Lê Thánh Tông,* Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997, ghi là Hồng Đức thứ 8 (1477).

12- Ngọc Kiểm - tên ngọn núi gần khu di tích lịch sử Lam Kinh.

13- Thiên Thai - tên ngọn núi có phong cảnh đẹp ở vùng Chiết Giang, Trung Quốc, tương truyền vào đời Hán, Lưu Thần, Nguyễn Triệu vào núi này hái thuốc gặp tiên.

14- Những đồ nghi trượng của nhà vua, ở đây chỉ vua.

15- Theo Thơ văn Lê Thánh Tông, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1997 (bản dịch thơ của Hải Anh).